

Phát triển lực lượng sản xuất vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Ngày nhận bài: 06/08/2026 | Ngày phản biện: 11/08/2026 | Ngày xuất bản: 21/09/2026

Tác giả: Nguyễn Trần Phương Hiền (Trường Chính trị Phạm Hùng tỉnh Vĩnh Long; NCS K40 Ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Bài viết xây dựng khung phân tích và đánh giá phát triển lực lượng sản xuất vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận duy vật lịch sử, phân tích tài liệu, thống kê mô tả và so sánh; số liệu giai đoạn 2020-2025 được tổng hợp theo địa giới mới. Kết quả cho thấy tỷ lệ lao động qua đào tạo, năng suất lao động và số doanh nghiệp đều tăng. Tuy nhiên, chất lượng nhân lực, năng lực hấp thụ công nghệ và mật độ doanh nghiệp vẫn thấp hơn bình quân cả nước. Các chuyển biến riêng lẻ chưa kết hợp thành hệ thống lực lượng sản xuất hiện đại ở cấp vùng do sản xuất phân tán, liên kết nghiên cứu - đào tạo - doanh nghiệp - thị trường chưa chặt chẽ và hạ tầng chưa đồng bộ. Bài viết đề xuất năm định hướng: Phát triển nhân lực; đưa khoa học, công nghệ và dữ liệu vào chuỗi sản xuất; nâng cao năng lực chủ thể sản xuất; hoàn thiện hạ tầng tích hợp; tăng cường thể chế liên kết vùng.

1. Đặt vấn đề

Trong quan niệm duy vật lịch sử, trình độ lực lượng sản xuất phản ánh năng lực thực tiễn của con người trong cải biến tự nhiên và tạo ra của cải vật chất. Khi khoa học, công nghệ, tri thức và dữ liệu ngày càng thâm nhập sâu vào quá trình sản xuất, sự phát triển của lực lượng sản xuất không chỉ thể hiện ở số lượng lao động hoặc quy mô tư liệu vật chất, mà trước hết ở chất lượng người lao động, trình độ công cụ, khả năng ứng dụng tri thức khoa học và mức độ phối hợp các yếu tố ấy trong một hệ thống sản xuất. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục phát triển nhận thức này khi xác định khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm, trực tiếp thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giữ vai trò đặc biệt đối với an ninh lương thực, xuất khẩu nông sản, thủy sản, kinh tế biển và thích ứng biến đổi khí hậu. Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025, vùng gồm thành phố Cần Thơ và bốn tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau (Nghị quyết số 202/2025/QH15, 2025). Không gian mới mở rộng khả năng tích hợp vùng nguyên liệu, công nghiệp chế biến, khoa học - công nghệ, logistics và thị trường; đồng thời đặt ra yêu cầu tổ chức lại lực lượng sản xuất vượt khỏi địa giới từng địa phương.

Các nghiên cứu của Nguyễn Trọng Phúc (2014); Lê Thị Chiên (2016); World Bank (2020, 2025); Nguyễn Thành Công (2026) đã làm rõ vai trò của người lao động trong lực lượng sản xuất hiện đại, mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, phương thức sản xuất số và yêu cầu liên kết, nâng cao năng suất của ĐBSCL. Tuy nhiên, phần lớn công trình hoặc tập trung vào bình diện lý luận chung, hoặc khảo sát từng lĩnh vực và không gian hành chính trước sắp xếp. Còn thiếu một khung phân tích kết nối người lao động, tư liệu sản xuất, khoa học - công nghệ với năng lực tổ chức sản xuất và điều kiện liên kết trong không gian 5 địa phương mới.

Từ khoảng trống đó, bài viết trả lời hai câu hỏi: (1) phát triển lực lượng sản xuất vùng ĐBSCL theo tinh thần Đại hội XIV cần được nhận diện qua những yếu tố, chủ thể, nội dung và phương thức nào; (2) vì sao những chuyển biến riêng lẻ về lao động, năng suất, doanh nghiệp và hạ tầng chưa kết hợp thành một hệ thống lực lượng sản xuất hiện đại ở cấp vùng? Điểm mới của nghiên cứu là xây dựng khung phân tích ba tầng và tổng hợp dữ liệu 2020-2025 theo địa giới mới, từ đó đề xuất các đột phá có tính liên kết vùng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận định tính kết hợp thống kê mô tả. Phương pháp duy vật lịch sử và logic - lịch sử được dùng để xác định cấu trúc lực lượng sản xuất, sự tác động của quan hệ sản xuất và xu hướng vận động trong điều kiện chuyển đổi số. Phân tích tài liệu được thực hiện đối với Văn kiện Đại hội XIV, các nghị quyết của Trung ương, Văn kiện Đại hội Đảng bộ 5 địa phương, niên giám thống kê, Sách trắng doanh

nghiệp và các nghiên cứu liên quan. Phương pháp so sánh được dùng để đối chiếu năm 2020 với năm 2025, giữa ĐBSCL với cả nước và giữa các địa phương trong vùng.

Khung chỉ báo gồm ba nhóm. Thứ nhất, yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất được phản ánh qua quy mô và trình độ người lao động, năng suất lao động, mức độ hiện đại hóa công cụ và ứng dụng công nghệ. Thứ hai, năng lực tổ chức và hiện thực hóa sức sản xuất được xem xét qua số lượng, quy mô doanh nghiệp, khả năng hấp thụ công nghệ và sự tham gia của hợp tác xã; đây là chủ thể và hình thức tổ chức sản xuất, không đồng nhất với yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất. Thứ ba, điều kiện phát triển được nhận diện qua hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng, hạ tầng số, thể chế và liên kết vùng.

Số liệu của các tỉnh trước sắp xếp được cộng gộp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15. Các tỷ lệ của địa phương mới được tính bình quân gia quyền theo mẫu số tương ứng; năng suất lao động vùng được xác định bằng tổng GRDP theo giá hiện hành chia cho tổng số lao động đang làm việc. Tiêu chí đề xuất phân công chức năng giữa 5 địa phương gồm lợi thế ngành, vị trí kết nối, năng lực nghiên cứu - đào tạo, hệ thống logistics và định hướng trong văn kiện địa phương. Do dữ liệu công khai chưa đo trực tiếp kỹ năng số và năng lực công nghệ của người lao động ở cấp vùng, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ chỉ được sử dụng như một chỉ báo gần đúng và được diễn giải thận trọng.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Khung lý thuyết về phát triển lực lượng sản xuất vùng Đồng bằng sông Cửu Long

C. Mác chỉ ra rằng trong sản xuất xã hội, con người thiết lập những quan hệ sản xuất phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất vật chất; khi lực lượng sản xuất biến đổi, quan hệ sản xuất cũng đặt trước yêu cầu điều chỉnh (C. Mác & Ph. Ăngghen, 1993, tr. 14-15). Theo đó, lực lượng sản xuất gồm người lao động với tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Trong

điều kiện hiện đại, khoa học được vật hóa trong máy móc, phần mềm, thuật toán; dữ liệu trở thành đầu vào quan trọng; hạ tầng số mở rộng khả năng kết nối và điều khiển quá trình sản xuất.

Phát triển lực lượng sản xuất là quá trình biến đổi cả về lượng và chất của người lao động và tư liệu sản xuất, làm tăng năng lực chinh phục tự nhiên, năng suất và hiệu quả xã hội. Ở ĐBSCL, quá trình này mang tính vùng vì các yếu tố sản xuất phân bố không trùng khít: nguồn nguyên liệu, cơ sở đào tạo, trung tâm nghiên cứu, cơ sở chế biến, cảng và thị trường nằm ở những địa phương khác nhau. Vì vậy, phát triển lực lượng sản xuất vùng không phải là phép cộng cơ học lực lượng sản xuất của 5 địa phương, mà là tổ chức sự phân công, kết nối và bổ trợ để tạo sức sản xuất tổng hợp.

Theo tinh thần Đại hội XIV, khung phân tích gồm ba tầng: (i) yếu tố cấu thành là người lao động và tư liệu sản xuất, trong đó khoa học - công nghệ ngày càng thâm nhập trực tiếp; (ii) yếu tố nâng cao trình độ gồm giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật; (iii) điều kiện kinh tế - xã hội gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, thị trường, thể chế và liên kết vùng. Chủ thể phát triển là Nhà nước, người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở đào tạo - nghiên cứu và cộng đồng. Phương thức phát triển là nâng cao chất lượng con người, hiện đại hóa tư liệu sản xuất, đưa khoa học và dữ liệu vào chuỗi giá trị, đồng thời điều chỉnh quan hệ sản xuất và cơ chế phân phối lợi ích để giải phóng sức sản xuất.

3.1.2. Biến động lực lượng lao động và chất lượng lao động giai đoạn 2020-2025

Lực lượng lao động của vùng giảm từ 8,870 triệu người năm 2020 xuống 8,615 triệu người năm 2025, tức giảm khoảng 254,8 nghìn người. Sau mức giảm mạnh năm 2021, quy mô lao động phục hồi nhưng chưa trở lại mức đầu kỳ. Diễn biến này cho thấy nguồn cung lao động vẫn đáng kể nhưng không nên được mặc nhiên xem là lợi thế bền vững; khả năng duy trì lực lượng lao động phụ thuộc ngày càng nhiều vào chất lượng việc làm, thu nhập và môi trường sống.

Địa phương	Lực lượng lao động 2025 (nghìn người)	Lao động qua đào tạo 2025 (%)	Năng suất lao động 2025 (triệu đồng/lao động)
Vĩnh Long	1.940,3	15,9	146,5
Đồng Tháp	2.010,3	16,6	147,0
An Giang	1.864,8	16,9	164,1
Cần Thơ	1.676,8	18,3	188,2
Cà Mau	1.122,6	15,7	153,5
ĐBSCL	8.614,8	16,7	159,4
Cả nước	53.559,6	29,3	244,8

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Niên giám thống kê quốc gia năm 2025 và Cục Thống kê, 2026).

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,7% lên 16,7%, chỉ tăng 2 điểm phần trăm trong 5 năm. Năm 2025, tỷ lệ này thấp hơn cả nước 12,6 phần trăm và chỉ bằng khoảng 57% mức quốc gia. Chỉ tiêu trên chủ yếu phản ánh trình độ đào tạo được xác nhận bằng văn bằng, chứng chỉ, chưa thể hiện đầy đủ kỹ năng nghề, năng lực số và khả năng vận hành công nghệ của người lao động. Vì vậy, chưa thể đồng nhất mức tăng về bằng cấp, chứng chỉ với sự cải thiện tương ứng về chất lượng lực lượng sản xuất. Trong khi đó, yêu cầu nhân lực cho phương thức sản xuất mới ngày càng rõ nét. Cần Thơ chú trọng phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực số (Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ, 2025); An Giang xác định còn thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế biển, logistics, năng lượng tái tạo, kinh tế số và chuyển đổi số (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, 2025); Đồng Tháp ưu tiên nhân lực công nghệ thông tin, logistics, công nghệ sinh học nông nghiệp và chế biến nông sản thông minh (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2025). Vĩnh Long tập trung xây dựng nhân lực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và quản trị doanh nghiệp, hợp tác xã (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long, 2025). Cà Mau nhấn mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các ngành, nghề mới, đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực số và kỹ năng số phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau, 2025). Những yêu cầu đó, đặt trong tương quan với chất lượng lao động hiện nay, cho thấy việc chuẩn bị nhân tố con người cho phát triển lực lượng sản xuất hiện đại ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

3.1.3. Năng suất lao động, năng lực tổ chức sản xuất và điều kiện hạ tầng

Năng suất lao động của vùng tăng từ 96,2 triệu đồng/lao động năm 2020 lên 159,4 triệu đồng năm 2025. Tuy nhiên, mức năm 2025 chỉ bằng khoảng 65,1% bình quân cả nước và không địa phương nào đạt mức quốc gia. Đây là chỉ báo tổng hợp cho thấy những cải thiện về vốn, công nghệ và chuyển dịch cơ cấu đã tạo tác động, nhưng chưa đủ bù đắp hạn chế về kỹ năng, trình độ chế biến, quy mô sản xuất và chi phí kết nối. Vì dữ liệu hiện có chưa tách được phần đóng góp riêng của công nghệ, bài viết không quy toàn bộ mức tăng năng suất cho chuyển đổi số.

Số doanh nghiệp đang hoạt động tăng từ 48.976 năm 2020 lên 65.584 năm 2025, nhưng mật độ mới đạt 4,1 doanh nghiệp/1.000 dân, bằng khoảng 41,4% mức cả nước. Số lượng tăng không đồng nghĩa năng lực công nghệ tăng: khoảng 83,6% doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh của vùng năm 2024 sử dụng dưới 50 lao động; doanh nghiệp từ 300 lao động trở lên chỉ khoảng 0,3% (Cục Thống kê, 2025). Cấu trúc này hạn chế khả năng tích lũy vốn, đầu tư nghiên cứu, chuẩn hóa dữ liệu và dẫn dắt chuỗi. Đối với hợp tác xã và hộ sản xuất, sản xuất phân tán làm tăng chi phí tiếp cận công nghệ và thị trường; song dữ liệu công khai chưa đủ để định lượng đồng nhất cho toàn vùng, đây là giới hạn cần tiếp tục khảo sát.

Khảo sát doanh nghiệp toàn quốc năm 2021 cho thấy các rào cản phổ biến gồm chi phí đầu tư công nghệ (60,1%), thay đổi thói quen kinh doanh và thiếu nhân lực nội bộ (cùng 52,3%), thiếu hạ tầng công nghệ số (45,4%) và khó tích hợp giải pháp (38,5%) (Cục Phát triển doanh nghiệp, 2021). Dù không đại diện riêng cho ĐBSCL, kết quả này có giá trị tham chiếu khi đặt cạnh cấu trúc doanh nghiệp nhỏ của vùng: công nghệ chỉ trở thành sức sản xuất hiện thực khi đi cùng nhân lực, quy trình, dữ liệu và năng lực quản trị.

Hạ tầng giao thông, cảng, logistics, năng lượng và hạ tầng số đã được ưu tiên trong quy hoạch và văn kiện địa phương. Tuy vậy, nghiên cứu của World Bank (2020) cho thấy các đô thị và trung tâm sản xuất của ĐBSCL cần mạng lưới kết nối và phối hợp vùng hiệu quả hơn để nâng cao khả năng cạnh tranh. Điều đó cho thấy hạ tầng không chỉ là tập hợp công trình riêng lẻ mà phải tạo dòng lưu chuyển thông suốt của lao động, nguyên liệu, dữ liệu, công nghệ và hàng hóa.

3.1.4. Ba vấn đề đặt ra

Thứ nhất, yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại ngày càng cao trong khi trình độ thực tế của người lao động cải thiện chậm. Khoảng cách không chỉ nằm ở bằng cấp mà còn ở năng lực sử dụng công nghệ, dữ liệu, tiêu chuẩn xanh và khả năng học tập suốt đời.

Thứ hai, yêu cầu hiện đại hóa sản xuất chưa tương xứng với năng lực hấp thụ công nghệ của các chủ thể tổ chức sản xuất. Doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ sản xuất khó đồng thời đáp ứng vốn, nhân lực, quy trình và dữ liệu; vì vậy công nghệ có thể được mua sắm nhưng chưa chuyển hóa thành năng suất và giá trị gia tăng.

Thứ ba, yêu cầu tổ chức lực lượng sản xuất ở quy mô vùng mâu thuẫn với tình trạng phân tán và liên kết lỏng. Nguồn nguyên liệu, nghiên cứu - đào tạo, chế biến, logistics và thị trường chưa được kết nối bằng cơ chế dữ liệu, hợp đồng ổn định và phân phối lợi ích đủ rõ. Các yếu tố có tiến bộ riêng lẻ nhưng chưa tạo thành sức sản xuất tổng hợp.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu xác nhận nhận định của các công trình trước rằng nâng cao trình độ người lao động và hiện đại hóa công cụ là điều kiện nền tảng của lực lượng sản xuất hiện đại (Nguyễn Trọng Phúc, 2014; Lê Thị Chiên, 2016). Đồng thời, kết quả bổ sung một điểm đáng chú ý đối với ĐBSCL sau sắp xếp: vấn đề cốt lõi không chỉ là từng yếu tố còn yếu, mà là các yếu tố chưa được kết hợp thành một hệ thống vùng. Lao động đông nhưng thiếu kỹ năng phù hợp sẽ khó vận hành công nghệ; có công nghệ nhưng doanh nghiệp yếu sẽ khó tổ chức ứng dụng; có sản lượng lớn nhưng chế biến và logistics hạn chế sẽ khó chuyển thành giá trị gia tăng.

Điều này cần được lý giải trong quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Nghị quyết số 57-NQ/TW thúc đẩy biến đổi trình độ khoa học - công nghệ của lực lượng sản xuất; Nghị quyết số 68-NQ/TW tạo điều kiện về chủ thể kinh tế, nguồn lực và thể chế để hiện thực hóa năng lực ấy (Bộ Chính trị, 2024, 2025). Nếu quyền tiếp cận dữ liệu, cơ chế hợp tác, hợp đồng chuỗi, tín dụng và phân phối lợi ích chưa phù hợp, công nghệ mới khó được phổ biến. Ngược lại, khi quan hệ tổ chức và thể chế được điều chỉnh phù hợp, chúng có thể giải phóng năng lực của người lao động, doanh nghiệp và khoa học - công nghệ.

So với các nghiên cứu nhấn mạnh hạ tầng và kết nối đô thị (World Bank, 2020), bài viết mở rộng khái niệm kết nối sang cả dữ liệu, đào tạo, nghiên cứu và chuỗi giá trị. Đây là hàm ý quan trọng trong không gian 5 địa phương mới: Cần Thơ có thể phát huy vai trò trung tâm tri thức, đào tạo, công nghệ và logistics; Vĩnh Long kết nối nông nghiệp sinh thái, chế biến, kinh tế biển và năng lượng; Đồng Tháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao và chế biến; An Giang phát huy kinh tế biển, đảo, biên mậu; Cà Mau phát triển thủy sản, năng lượng sạch và logistics cực Nam. Sự phân công này không đóng khung ngành của từng địa phương mà nhằm tạo chuỗi liên kết nghiên cứu - đào tạo - vùng nguyên liệu - chế biến - logistics - thị trường.

Từ đó, năm định hướng đột phá được đề xuất. Một là, quy hoạch và đào tạo nhân lực theo chuỗi giá trị, chú trọng kỹ năng số, kỹ năng xanh, công nghệ sinh học, chế biến, logistics, năng lượng và quản trị dữ liệu. Hai là, tập trung khoa học - công nghệ và dữ liệu vào bài toán cụ thể của lúa gạo, cây ăn trái, dừa, thủy sản, kinh tế biển và thích ứng khí hậu; đánh giá nhiệm vụ khoa học bằng năng suất, chi phí và khả năng nhân rộng. Ba là, nâng năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã theo lộ trình từ chuẩn hóa quy trình đến tích hợp dữ liệu, tự động hóa và an toàn thông tin. Bốn là, phát triển hạ tầng tích hợp giữa giao thông, logistics, năng lượng, thủy lợi thông minh và hạ tầng số. Năm là, hoàn thiện thể chế điều phối vùng, chia sẻ dữ liệu và phân phối lợi ích theo chuỗi để địa phương cung cấp nguyên liệu, chế biến, logistics và dịch vụ khoa học cùng được hưởng lợi.

4. Kết luận

Phát triển lực lượng sản xuất vùng ĐBSCL theo tinh thần Đại hội XIV là quá trình nâng cao chất lượng người lao động, hiện đại hóa tư liệu sản xuất, đưa khoa học - công nghệ và dữ liệu vào chuỗi giá trị; đồng thời tạo lập các điều kiện tổ chức, thể chế và liên kết phù hợp để các yếu tố ấy phát huy tác dụng. Khung phân tích ba tầng giúp tránh đồng nhất doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc mọi loại hạ tầng với yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, nhưng vẫn nhận diện đúng vai trò của chúng trong tổ chức và giải phóng sức sản xuất.

Giai đoạn 2020-2025, ĐBSCL có chuyển biến về tỷ lệ lao động qua đào tạo, năng suất và số doanh nghiệp. Tuy nhiên, lực lượng lao động chưa trở lại mức năm 2020; tỷ

lệ lao động qua đào tạo, năng suất và mật độ doanh nghiệp còn thấp xa bình quân cả nước; năng lực hấp thụ công nghệ và liên kết vùng còn hạn chế. Phát hiện trung tâm là các chuyển biến riêng lẻ chưa kết hợp thành một hệ thống lực lượng sản xuất hiện đại ở cấp vùng. Vì vậy, cần đột phá về nhân lực; khoa học – công nghệ và dữ liệu; năng lực chủ thể sản xuất; hạ tầng tích hợp; thể chế liên kết vùng cần được triển khai đồng bộ. Nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung khảo sát trực tiếp về kỹ năng số, năng lực công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và hiệu quả liên kết chuỗi để kiểm định sâu hơn khung phân tích này./.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ. (2025). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, tr. 12.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang. (2025). Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, tr. 51, <https://angiang.gov.vn/vi/tai-lieu-van-kien-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tinh-lan-thu-i-nhiem-ky-2025-2030-0>

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau. (2025). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, tr. 31-32.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (2025). Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, tr. 33.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Tài liệu lưu hành nội bộ, tr. 259.

C. Mác & Ph. Ăngghen. (1993). Toàn tập (Tập 13). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 14-15.

Cục Phát triển doanh nghiệp. (2021). Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp 2021: Rào cản và nhu cầu chuyển đổi số. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tr.18. <https://digital.business.gov.vn/bao-cao-thuong-nien-chuyen-doi-so-doanh-nghiep-2021/>

Cục Thống kê. (2025). Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê. (2026). Niên giám thống kê quốc gia năm 2025. Nhà xuất bản Thống kê.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I-II). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Lê Thị Chiên. (2016). Yếu tố người lao động trong lực lượng sản xuất ở Việt Nam sau 30 năm đổi mới. Tạp chí Lý luận chính trị, số 3, <https://lyluanchinhtri.vn/yeu-to-nguoi-lao-dong-trong-luc-luong-san-xuat-o-viet-nam-sau-30-nam-doi-moi-1652.html>

Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (Số 202/2025/QH15, 2025). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214152>

Nghị quyết về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Số 57-NQ/TW, 2024). Bộ Chính trị. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-ngghi-quyet-57-nq-tw-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180720412.htm>

Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân (Số 68-NQ/TW, 2025). Bộ Chính trị. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-ngghi-quyet-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-119250505101611827.htm>

Nguyễn Thành Công. (2026). Phát triển phương thức sản xuất số để hiện thực hóa mục tiêu trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, tháng 3. <https://doi.org/10.70786/PTOJ.2026.2275>

Nguyễn Trọng Phúc. (2014). Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất nhìn từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạp chí Lý luận chính trị. <https://lyluanchinhtri.vn/luc-luong-san-xuat-va-quan-he-san-xuat-nhin-tu-qua-trinh-cong-nghiiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc-809.html>

World Bank. (2020). Networked: Towards urban resilience and economic growth in Vietnam's Mekong Delta. World Bank, pp. 52-57. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/849571614609483205/pdf/Net-worked-Towards-Urban-Resilience-and-Economic-Growth-in-Vietnam-s-Mekong-Delta.pdf>

World Bank. (2025). Living or leaving: Life in the Mekong Delta region of Viet Nam. World Bank, pp. 10-15. <https://doi.org/10.1596/44086>